| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ NGÃ NĂM**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 154/2023/DS-ST.
Ngày: 29-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Trúc Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Thái

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2023/TLST–DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2023/QĐXXST-DS ngày 29/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Diễm M**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tường 1, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã LK, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1999 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Khóm B, phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Trương Thị V**, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Dư Văn D**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1/ Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trước đây vợ chồng bà V và ông D có vay tiền của chị M 03 lần như sau: Lần 01 ngày 29/02/2015 âm lịch vay số tiền 15.000.000 đồng; Lần 02 ngày 15/8/2015 âm lịch vay số tiền 15.000.000 đồng; Lần 03 ngày 27/8/2020 vay số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Khi vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, mục đích vay tiền là để chi tiêu trong gia đình, do quen biết nên vay không có làm biên nhận giấy tờ. Từ khi vay thì vợ chồng bà V và ông D có đóng lãi cho chị M một thời gian sau đó ngưng không đóng nữa, số tiền đóng lãi bao nhiêu thì chị M không nhớ. Chị M yêu cầu vợ chồng bà V và ông D trả số tiền vốn vay nhưng vợ chồng bà V và ông D không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trương Thị V, ông Dư Văn D liên đới trả cho chị Trần Diễm M số tiền vốn vay là 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

*2/ Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trương Thị V trình bày*:

Bà thừa nhận trước đây bà có vay của chị Trần Diễm M 03 lần với tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng, thời gian vay cụ thể bà không nhớ rõ, khi vay thì không có làm biên nhận, mục đích vợ chồng bà vay tiền để chăn nuôi.

Tuy nhiên sau khi vay thì đến ngày 15/3/2020 âm lịch bà V có trả cho chị M số tiền 50.000.000 đồng khi trả thì không có làm biên nhận trả nợ và cũng không có ai chứng kiến, bà V là người trả trực tiếp số tiền 50.000.000 đồng cho chị M, khi đó chỉ có bà V và chị M. Hiện nay vợ chồng bà chỉ còn nợ chị M số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay bà cũng có đóng lãi cho chị M rất nhiều nhưng bà không yêu cầu xem xét giải quyết gì về số tiền lãi đã đóng cho chị M.

Hiện nay gia đình kinh tế khó khăn nên bà V yêu cầu được trả số tiền nợ 30.000.000 đồng cho chị M mỗi vụ lúa trả 10.000.000 đồng.

*2/ Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Dư Văn D trình bày*:

Ông D thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của vợ ông là bà Trương Thị V. Ông không có ý kiến bổ sung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", đồng thời bị đơn cư trú tại xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn đã cung cấp biên bản hòa giải cơ sở và phía bị đơn bà V đã thừa nhận có vay 80.000.000 đồng của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn đã trả được 50.000.000 đồng nên chỉ còn nợ nguyên đơn 30.000.000 đồng . Phía nguyên đơn không đồng ý và Tòa án có văn bản yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng nhưng phía bị đơn không cung cấp. Từ đó có căn cứ cho rằng phía bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng.

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 80.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Phía bị đơn cho rằng đã đóng lãi đầy đủ với lãi suất 4%/tháng nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận, mặc khác phía bị đơn không yêu cầu khấu trừ tiền lãi suất trên lệch nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 4.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Diễm M về việc yêu cầu bị đơn ông Dư Văn D và bà Trương Thị V trả số tiền vay.

Buộc ông Dư Văn D và bà Trương Thị V liên đới trả cho chị Trần Diễm M số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trần Diễm M thì hàng tháng ông Dư Văn D và bà Trương Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

3/ Về án phí sơ thẩm:

Ông Dư Văn D và bà Trương Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Chị Trần Diễm M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Trần Diễm M số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0011063 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.*

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Trúc Phương**